Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8538.10.11

Mã HS	8538.10.11
Mô tả hàng hóa	Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc nhóm 85.35, 85.36 hoặc 85.37. / - Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác dùng cho các mặt hàng thuộc nhóm 85.37, chưa được lắp đặt các thiết bị của chúng: / - - Dùng cho điện áp không quá 1.000 V: / - - - Bộ phận của bộ điều khiển logic có khả năng lập trình cho máy tự động để dịch chuyển, xử lý và kẹp giữ khuôn cho thiết bị bán dẫn
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 00:56:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85381011/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15886
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15886
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15886
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	10.5	10,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15224
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15156
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15156
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15156
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15156
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15156
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15156
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15212
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15212
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15212
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15212

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15212
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15212
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15213
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15213
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15213
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15213
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15213
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15213
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15214
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15162
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15170
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15170
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15170
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15170
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15170
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15170
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15210
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15210
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15210
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15210
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15210
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15210
VCFTA	2022	2022	3	VC!D15267
VCFTA	2023	2023	1	VC!E15267
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15267
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15267
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15267
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15246
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15246
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15246
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15246
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15246
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15246
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D15244
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E15244
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F15244
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G15244
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H15244
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15244
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D15250
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E15250
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F15250
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15250
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15250
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15250
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D15249
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E15249
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F15249
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15249
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15249
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15249

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15240
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15240
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15240
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15240
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15240
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15240
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15240
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15237
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15237
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15237
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15237
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15237
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15237
RCEP B	2022	2022	0	B!D15237
RCEP B	2023	2023	0	B!E15237
RCEP B	2024	2024	0	B!F15237
RCEP B	2025	2025	0	B!G15237
RCEP B	2026	2026	0	B!H15237
RCEP B	2027	2027	0	B!I15237
RCEP C	2022	2022	0	C!D15237
RCEP C	2023	2023	0	C!E15237
RCEP C	2024	2024	0	C!F15237
RCEP C	2025	2025	0	C!G15237
RCEP C	2026	2026	0	C!H15237
RCEP C	2027	2027	0	C!I15237
RCEP D	2022	2022	0	D!D15236

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15236
RCEP D	2024	2024	0	D!F15236
RCEP D	2025	2025	0	D!G15236
RCEP D	2026	2026	0	D!H15236
RCEP D	2027	2027	0	D!I15236
RCEP E	2022	2022	0	E!D15240
RCEP E	2023	2023	0	E!E15240
RCEP E	2024	2024	0	E!F15240
RCEP E	2025	2025	0	E!G15240
RCEP E	2026	2026	0	E!H15240
RCEP E	2027	2027	0	E!I15240
RCEP F	2022	2022	0	F!D15237
RCEP F	2023	2023	0	F!E15237
RCEP F	2024	2024	0	F!F15237
RCEP F	2025	2025	0	F!G15237
RCEP F	2026	2026	0	F!H15237
RCEP F	2027	2027	0	F!I15237
VIFTA	2024	2024	13,5	VI!F14202
VIFTA	2025	2025	12	VI!G14202
VIFTA	2026	2026	10.5	VI!H14202
VIFTA	2027	2027	9	VI!I14202

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8538.10 có 6 dòng thuế; dòng 8538.10.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ phận của bộ điều khiển logic có khả năng lập trình cho máy tự động để dịch chuyển, xử lý và kẹp giữ khuôn cho thiết bị bán dẫn.	8538.10.12 Của loại sử dụng trong các thiết bị sóng vô tuyến; 8538.10.19 Loại khác; 8538.10.21 Bộ phận của bộ điều khiển logic có khả năng lập trình cho máy tự động để dịch chuyển, xử lý và kẹp giữ khuôn cho thiết bị bán dẫn; 8538.10.22 Của loại sử dụng trong các thiết bị sóng vô tuyến; 8538.10.29 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8538.10.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 8538.10.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15886), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.